

**Công ty TNHH Một Thành viên Dịch vụ
Công ích huyện Bình Chánh**

**Báo cáo tài chính đã được kiểm toán
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**

MỤC LỤC

	<u>Trang</u>
1. Thông tin chung	1 - 2
2. Báo cáo của Ban Giám đốc	3
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
4. Bảng cân đối kế toán	6 - 7
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	8
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	9
7. Thuyết minh Báo cáo tài chính	10 - 24

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty TNHH Một Thành viên Dịch vụ Công ích huyện Bình Chánh (sau đây gọi tắt là "Công ty") là một Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên được thành lập theo Luật Doanh Nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0301897104, do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 20 tháng 09 năm 2010, và theo các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh sau:

<u>Thay đổi Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp</u>	<u>Số giấy chứng nhận</u>	<u>Ngày</u>
Điều chỉnh lần thứ 1	0301897104	05/10/2011
Điều chỉnh lần thứ 2	0301897104	17/10/2012
Điều chỉnh lần thứ 3	0301897104	20/06/2013
Điều chỉnh lần thứ 4 (thay đổi phê duyệt tăng vốn)	0301897104	19/01/2016
Điều chỉnh lần thứ 5	0301897104	04/05/2016

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là:

- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan chi tiết: Thiết kế xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp. Thiết kế xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị. Thiết kế kết cấu công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị. Thiết kế kết cấu công trình đường bộ. Giám sát thi công xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp. Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện công trình đường bộ. Tư vấn quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình.
- Quản lý dự án xây dựng đầu tư xây dựng công trình; Lập dự án đầu tư xây dựng công trình; Thẩm tra thiết kế xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp và hạ tầng kỹ thuật đô thị; Tư vấn đấu thầu.
- Chuẩn bị mặt bằng. Chi tiết: San lấp mặt bằng; Chuẩn bị mặt bằng.
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Xây dựng và quản lý hạ tầng khu y tế kỹ thuật cao do ngân sách thành phố đầu tư tạo huyện Bình Chánh; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng.
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ.
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết: Kinh doanh vật liệu xây dựng chuyên ngành.
- Xây dựng nhà các loại.
- Xây dựng công trình công ích. Chi tiết: Quản lý, duy tu và xây dựng các công trình giao thông, vỉa hè, chiếu sáng, công cộng và công trình thủy lợi theo phân cấp quản lý.
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Quản lý cho thuê nhà thuộc sở hữu nhà nước theo phân cấp quản lý.
- Hoạt động dịch vụ phục vụ tang lễ. Chi tiết: Quản lý nghĩa trang, mai táng.
- Thu gom rác thải không độc hại. Chi tiết: Thu gom rác, xử lý vệ sinh công cộng và hệ thống thoát nước, cấp nước theo phân cấp quản lý.
- Hoạt động bảo tồn, bảo tàng. Chi tiết: Quản lý khu di tích lịch sử.
- Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề. Chi tiết: Quản lý công viên - cây xanh.

Trụ sở chính

Địa chỉ : số 110A5/4 Ấp 1, xã An Phú Tây, huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh
Điện thoại : (08) 3760 3194
Fax : (08) 3760 3238
Mã số thuế : 0301897104

HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN, KIỂM SOÁT VIÊN VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Thành viên, Kiểm soát viên và Ban Giám đốc Công ty trong năm tài chính này như sau:

Chủ tịch Hội đồng Thành viên

Ông Nguyễn Văn Hạnh

Ban Kiểm soát

Bà Lê Thị Mai Thanh

Ban Giám đốc

Ông Lý Minh Sơn	Giám đốc
Bà Trịnh Thị Mỹ Nga	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Duy Tấn	Phó Giám đốc
Ông Phạm Quang Vinh	Phó Giám đốc
Bà Kiều Liên Nhanh	Kế toán trưởng

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Lý Minh Sơn.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán FAC đã kiểm toán báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016, FAC bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là kiểm toán viên độc lập của Công ty.

Báo cáo của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty TNHH Một Thành viên Dịch vụ Công ích huyện Bình Chánh (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo này và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những Chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- lập Báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động; và
- thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với Chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính kèm theo

CÔNG BỐ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, Báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Giám đốc



Lý Minh Sơn

Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 01 năm 2017

Số: 024/2016/BCTC-FAC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Chủ tịch Hội đồng Thành viên và Ban Giám đốc

Công ty TNHH Một Thành viên Dịch vụ Công ích huyện Bình Chánh

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty TNHH Một Thành viên Dịch vụ Công ích huyện Bình Chánh (gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 23 tháng 01 năm 2017, từ trang 6 đến trang 24, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các Thuyết minh Báo cáo tài chính đi kèm.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

➤ Về các khoản phải thu, phải trả

Cho đến thời điểm kiểm toán, chúng tôi chưa thu thập được đầy đủ các bằng chứng về việc xác nhận nợ thuộc các chỉ tiêu của Bảng Cân đối kế toán ngày 31 tháng 12 năm 2016 sau đây:

- | | | |
|------------------------------------|---------------|---------------------|
| - Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 5.933.890.983 | (Thuyết minh số 5) |
| - Phải trả ngắn hạn khác | 9.644.346.311 | (Thuyết minh số 17) |

Do hạn chế bởi cách thức ghi chép, theo dõi, đối chiếu và kế toán của Công ty nên chúng tôi chưa thể áp dụng các thủ tục kiểm toán thay thế, làm cơ sở cho việc trình bày ý kiến của Kiểm toán viên đối với chỉ tiêu đã nêu.

Báo cáo kiểm toán độc lập (tiếp theo)

➤ **Về quỹ tiền lương**

Cho đến thời điểm phát hành Báo cáo kiểm toán này, Công ty vẫn chưa được Ủy ban Nhân dân Huyện Bình Chánh phê duyệt quỹ tiền lương thực hiện của viên chức quản lý doanh nghiệp và người lao động cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty TNHH Một Thành viên Dịch vụ Công ích huyện Bình Chánh tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Điền Văn Châu - Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề

kiểm toán số 0701-2014-099-1

Thành phố Hồ Chí Minh

Ngày 23 tháng 01 năm 2017

A blue ink signature of Đỗ Hoàng Chương, the auditor.

Đỗ Hoàng Chương - Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề

kiểm toán số 2662-2015-099-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		44.965.497.399	61.391.338.545
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		13.756.065.710	7.794.364.659
1 Tiền	111	4	13.756.065.710	7.794.364.659
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		29.672.231.345	51.711.823.235
1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	26.662.124.948	39.103.000.533
2 Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	6	1.290.010.000	13.000.000
3 Phải thu ngắn hạn khác	136	7	1.720.096.397	12.595.822.702
III. Hàng tồn kho	140		1.482.245.802	799.058.837
1 Hàng tồn kho	141	9	1.482.245.802	799.058.837
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		54.954.542	1.086.091.814
1 Chi phí trả trước ngắn hạn	151	12	54.954.542	-
2 Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	14	-	1.086.091.814
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		501.676.075	64.153.854.082
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	63.667.737.444
1 Phải thu dài hạn khác	216	7	-	63.667.737.444
II. Tài sản cố định	220		-	119.236.262
1 Tài sản cố định hữu hình	221	10	-	119.236.262
- Nguyên giá	222		3.973.473.538	4.037.283.062
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(3.973.473.538)	(3.918.046.800)
III. Bất động sản đầu tư	230	11	163.451.008	163.451.008
- Nguyên giá	231		269.308.200	269.308.200
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(105.857.192)	(105.857.192)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	190.569.091
1 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	190.569.091
V. Tài sản dài hạn khác	260		338.225.067	12.860.277
1 Chi phí trả trước dài hạn	261	12	338.225.067	12.860.277
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		45.467.173.474	125.545.192.627

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		40.088.857.395	118.590.163.465
I. Nợ ngắn hạn	310		39.764.478.244	55.951.502.246
1 Phải trả người bán ngắn hạn	311	13	7.916.248.960	9.343.229.844
2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		29.700.000	38.266.743
3 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	14	1.619.955.581	2.369.563.416
4 Phải trả người lao động	314	15	6.037.004.220	7.690.757.768
5 Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		35.640.748	7.988.681
6 Phải trả ngắn hạn khác	319	16	19.919.408.335	33.306.119.168
7 Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	17	1.697.523.305	-
8 Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	18	2.508.997.095	3.195.576.626
II. Nợ dài hạn	330		324.379.151	62.638.661.219
1 Phải trả dài hạn khác	337	16	-	62.358.121.789
2 Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343	19	324.379.151	280.539.430
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		5.378.316.079	6.955.029.162
I. Vốn chủ sở hữu	410	20	13.505.987.497	13.785.189.720
1 Vốn góp của chủ sở hữu	411		8.792.737.786	8.792.737.786
2 Quỹ đầu tư phát triển	418		336.807.619	-
3 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		4.376.442.092	4.992.451.934
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		-	615.808.692
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421b		4.376.442.092	4.376.643.242
II. Nguồn kinh phí	430		(8.127.671.418)	(6.830.160.558)
1 Nguồn kinh phí	431	21	(8.291.122.426)	(6.993.611.566)
2 Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432	22	163.451.008	163.451.008
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		45.467.173.474	125.545.192.627

Nguyễn Thị Ngọc Bích

Huyền Thị Ngọc Bích
 Người lập biểu

Kiên Liên Nhanh

Kiên Liên Nhanh
 Kế toán trưởng



Lý Minh Sơn
 Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 01 năm 2017

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	23.1	88.372.925.231	103.522.507.366
2 Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		88.372.925.231	103.522.507.366
4 Giá vốn hàng bán	11	24	76.832.150.584	91.410.133.821
5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		11.540.774.647	12.112.373.545
6 Doanh thu hoạt động tài chính	21	23.2	37.689.600	37.778.900
7 Chi phí tài chính	22		-	-
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
8 Chi phí bán hàng	25		-	-
9 Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	25	6.446.842.456	7.209.595.243
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		5.131.621.791	4.940.557.202
11 Thu nhập khác	31		8.376.952	528.267.224
12 Chi phí khác	32		7.625.726	-
13 Lợi nhuận khác	40	26	751.226	528.267.224
14 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		5.132.373.017	5.468.824.426
15 Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	28	755.930.925	1.092.181.184
16 Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17 Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp	60		4.376.442.092	4.376.643.242

Nghe

Vch



Huyền Thị Ngọc Bích
Người lập biểu

Kiên Liên Nhanh
Kế toán trưởng

Lý Minh Sơn
Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 01 năm 2017

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1 Lợi nhuận trước thuế	01		5.132.373.017	5.468.824.426
2 Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	10	119.236.262	252.825.758
- Các khoản dự phòng	03		1.697.523.305	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	23.2	(37.689.600)	(37.778.900)
- Các khoản điều chỉnh khác	07		367.886.812	196.308.431
3 Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		7.279.329.796	5.880.179.715
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		86.793.421.148	(72.940.436.764)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(683.186.965)	939.395.525
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(80.454.819.775)	60.187.111.947
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(380.319.332)	17.430.395
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(1.059.581.164)	(967.280.617)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		18.622.928.643	34.012.843.520
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(24.193.760.900)	(27.040.240.165)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		5.924.011.451	89.003.556
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1 Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	23.2	37.689.600	37.778.900
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		37.689.600	37.778.900
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		5.961.701.051	126.782.456
Tiền đầu năm	60	1	7.794.364.659	7.667.582.203
Tiền cuối năm	70	1	13.756.065.710	7.794.364.659

Huỳnh Thị Ngọc Bích
Người lập biểu

Kiền Liên Nhanh
Kế toán trưởng

Lý Minh Sơn
Giám đốc



Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 01 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

1. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty TNHH Một Thành viên Dịch vụ Công ích huyện Bình Chánh (sau đây gọi tắt là "Công ty") là một Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên được thành lập theo Luật Doanh Nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0301897104, do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 20 tháng 09 năm 2010, và theo các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh sau:

Thay đổi Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp	Số giấy chứng nhận	Ngày
Điều chỉnh lần thứ 1	0301897104	05/10/2011
Điều chỉnh lần thứ 2	0301897104	17/10/2012
Điều chỉnh lần thứ 3	0301897104	20/06/2013
Điều chỉnh lần thứ 4 (thay đổi phê duyệt tăng vốn)	0301897104	19/01/2016
Điều chỉnh lần thứ 5	0301897104	04/05/2016

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là:

- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan chi tiết: Thiết kế xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp. Thiết kế xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị. Thiết kế kết cấu công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị. Thiết kế kết cấu công trình đường bộ. Giám sát thi công xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp. Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện công trình đường bộ. Tư vấn quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình.
- Quản lý dự án xây dựng đầu tư xây dựng công trình; Lập dự án đầu tư xây dựng công trình; Thẩm tra thiết kế xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp và hạ tầng kỹ thuật đô thị; Tư vấn đấu thầu.
- Chuẩn bị mặt bằng. Chi tiết: San lấp mặt bằng; Chuẩn bị mặt bằng.
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Xây dựng và quản lý hạ tầng khu y tế kỹ thuật cao do ngân sách thành phố đầu tư tạo huyện Bình Chánh; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng.
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết: Kinh doanh vật liệu xây dựng chuyên ngành.
- Xây dựng nhà các loại.
- Xây dựng công trình công ích. Chi tiết: Quản lý, duy tu và xây dựng các công trình giao thông, vỉa hè, chiếu sáng, công cộng và công trình thủy lợi theo phân cấp quản lý.
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Quản lý cho thuê nhà thuộc sở hữu nhà nước theo phân cấp quản lý.
- Thu gom rác thải không độc hại. Chi tiết: Thu gom rác, xử lý vệ sinh công cộng và hệ thống thoát nước, cấp nước theo phân cấp quản lý.
- Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề. Chi tiết: Quản lý công viên - cây xanh.
- Một số hoạt động khác

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính tại số 110A5/4 Ấp 1, xã An Phú Tây, huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là: 377 người
(ngày 31 tháng 12 năm 2015 là: 368 người)

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VNĐ") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.3. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam ("VND").

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1. Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và các khoản tiền gửi không kỳ hạn.

3.2. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên Báo cáo tài chính.

3.3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu và công cụ, dụng cụ chi phí mua theo phương pháp thực tế đích danh.

Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp thực tế đích danh.

3.4. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.5. Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa và vật kiến trúc	20 năm
Phương tiện vận tải	05 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	03 - 05 năm

3.6. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm Quyền sử dụng đất và tài sản trên đất thuộc sở hữu Nhà nước đang giao cho Công ty quản lý và thu hộ Nhà nước. Công ty không tiến hành khấu hao đối với các căn hộ này.

3.7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản lý hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí giao thầu xây dựng, chi phí khảo sát, thiết kế và chi phí khác. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng của các công trình xây dựng cơ bản có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.

3.8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

3.9. Các khoản phải trả

Các khoản phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.10. Dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ hoạt động.

3.11. Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã thực hiện và hoàn thành.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn

3.12. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong kỳ, được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

3.13. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung chủ yếu bao gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác (điện, nước, điện thoại, phí SMS, phí môi trường, bảo hiểm...).

3.14. Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

3.15. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

4. TIỀN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	2.440.184	1.162.651
Tiền gửi ngân hàng	<u>13.753.625.526</u>	<u>7.793.202.008</u>
TỔNG CỘNG	<u>13.756.065.710</u>	<u>7.794.364.659</u>

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ban Quản lý Đầu tư Xây dựng công trình huyện Bình Chánh	255.911.537	3.951.454.260
Phòng Tài nguyên Môi trường huyện Bình Chánh	20.258.353.465	25.561.652.164
Các khoản phải thu khách hàng ngắn hạn khác (*)	<u>6.147.859.946</u>	<u>9.589.894.109</u>
TỔNG CỘNG	<u>26.662.124.948</u>	<u>39.103.000.533</u>

(*) Khoản phải thu khách hàng chưa đối chiếu xác nhận cuối năm là 5.933.890.983 Đồng

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Đo đạc Xây dựng Thương mại Hưng Thịnh	13.000.000	13.000.000
Công ty Cổ phần Vận tải Thương mại - Xây dựng công nghiệp Đức Long	<u>1.277.010.000</u>	<u>-</u>
TỔNG CỘNG	<u>1.290.010.000</u>	<u>13.000.000</u>

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn		
Phải thu người lao động;	96.881.538	214.742.857
Phải thu về cổ phần hóa;	79.200.000	-
Tạm ứng;	1.139.000.000	766.334.000
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn;	290.000.000	-
Điều chỉnh quyết toán; (*)	-	756.404.332
Khoản thu hộ;	-	10.669.503.834
Các khoản khác	115.014.859	188.837.679
	<u>1.720.096.397</u>	<u>12.595.822.702</u>
Dài hạn		
Điều chỉnh quyết toán; (*)	-	2.954.839.664
Khoản thu hộ	-	60.712.897.780
	<u>-</u>	<u>63.667.737.444</u>
TỔNG CỘNG	<u>1.720.096.397</u>	<u>76.263.560.146</u>

(*) Năm 2012 và năm 2013, Công ty đã ghi nhận doanh thu khối môi trường trên Báo cáo tài chính theo đơn giá sản phẩm công ích ban hành tại Quyết định số 6274/QĐ-UBND ngày 27 tháng 12 năm 2011 và Quyết định số 57/QĐ-UBND ngày 06 tháng 01 năm 2012 của Ủy ban Nhân dân Thành phố.

Ủy ban Nhân dân huyện Bình Chánh cũng phê duyệt quyết toán hoàn thành tại Quyết định số 66/QĐ-UBND và số 67/QĐ-UBND ngày 08 tháng 01 năm 2013.

Căn cứ Quyết định số 367/QĐ-UBND và 368/QĐ-UBND và 369/QĐ-UBND ngày 29 tháng 01 năm 2015 của Ủy ban Nhân dân Thành phố, huyện Bình Chánh đã phê duyệt điều chỉnh quyết toán hoàn thành năm 2012 và năm 2013 giảm tiền lương trong đơn giá thuê bao sản phẩm công ích từ 2.000.000 đồng xuống 1.512.500 đồng ảnh hưởng đến việc giảm Doanh thu tương ứng 9.444.264.196 đồng.

Trong năm, Công ty tạm điều chỉnh giảm doanh thu như sau:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu phê duyệt điều chỉnh	3.711.243.996	9.444.264.196
Điều chỉnh giảm doanh thu năm trước	-	(5.733.020.200)
Điều chỉnh giảm doanh thu năm nay	(3.711.243.996)	-
Còn lại chưa điều chỉnh	<u>-</u>	<u>3.711.243.996</u>

8. NỢ XẤU

Đối tượng nợ (*)	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Các khoản phải thu cho thuê nhà SHNN do các hộ dân không chịu ký hợp đồng	100.866.690	-	83.783.480	-
TỔNG CỘNG	100.866.690	-	83.783.480	-

(*) Đây là khoản nợ quá hạn trên 3 năm, Công ty chưa trích lập dự phòng đối với khoản nợ này.

9. HÀNG TỒN KHO

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	1.482.245.802	799.058.837
TỔNG CỘNG	1.482.245.802	799.058.837

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	VND			
	Nhà xưởng, vật kiến trúc	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá				
Số đầu năm	38.181.818	3.777.746.265	221.354.979	4.037.283.062
Mua trong năm	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(63.809.524)	(63.809.524)
Số cuối năm	<u>38.181.818</u>	<u>3.777.746.265</u>	<u>157.545.455</u>	<u>3.973.473.538</u>
<i>Trong đó:</i>				
<i>Tài sản khấu hao hết nhưng còn sử dụng</i>	38.181.818	3.777.746.265	157.545.455	3.973.473.538
<i>Tài sản cố định hữu hình (tiếp theo)</i>				
Khấu hao lũy kế				
Số đầu năm	38.181.818	3.674.412.932	205.452.050	3.918.046.800
Khấu hao trong năm	-	103.333.333	15.902.929	119.236.262
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(63.809.524)	(63.809.524)
Số cuối năm	<u>38.181.818</u>	<u>3.777.746.265</u>	<u>157.545.455</u>	<u>3.973.473.538</u>
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	-	103.333.333	15.902.929	119.236.262
Số cuối năm	-	-	-	-

11. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Bất động sản đầu tư là Nhà đất thuộc sở hữu Nhà nước.

Căn cứ theo văn bản số 6013/UBND-CNN của Ủy ban Nhân dân Thành phố ngày 19 tháng 11 năm 2009, từ năm 2012 Công ty không trích khấu hao đối với Bất động sản đầu tư.

12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn		
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	54.954.542	-
Dài hạn		
Công cụ dụng cụ	3.545.455	12.860.277
Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định	334.679.612	-
	<u>338.225.067</u>	<u>12.860.277</u>
TỔNG CỘNG	<u><u>393.179.609</u></u>	<u><u>12.860.277</u></u>

13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Thương mại và thiết bị Môi trường Hiệp Hòa	879.747.000	879.747.000
Nguyễn Minh Nhật (Đội vận chuyển rác)	1.678.860.000	1.755.872.012
Phạm Văn Quyền (Đội xây dựng 5)	1.175.211.024	1.105.000.017
Nguyễn Đình Thành (Đội xây dựng 2)	-	957.621.275
Nguyễn Hiệp Chủ	1.282.050.000	698.163.300
Các nhà cung cấp khác	2.900.380.936	3.946.826.240
TỔNG CỘNG	<u><u>7.916.248.960</u></u>	<u><u>9.343.229.844</u></u>
<i>Trong đó:</i>		
Số nợ quá hạn chưa thanh toán (hoạt động dự án)	391.312.000	413.412.000

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	VND			
	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
Phải nộp				
Thuế Giá trị gia tăng	1.722.532.831	5.141.992.958	(5.530.909.041)	1.333.616.748
Thuế Giá trị gia tăng (hoạt động thu hộ)	(1.077.464.012)	1.163.772.363	(83.308.750)	2.999.601
Thuế Thu nhập doanh nghiệp (Thuyết minh số 28)	526.030.557	755.930.925	(1.059.581.164)	222.380.318
Thuế Thu nhập cá nhân	121.000.028	73.395.391	(149.965.866)	44.429.553
Khoản phải nộp nhà sở hữu Nhà nước	(6.627.802)	136.962.407	(113.805.244)	16.529.361
Thuế Nhà đất và Tiền thuê đất	-	5.698.278	(5.698.278)	-
Các loại thuế khác	(2.000.000)	10.373.272	(8.373.272)	-
TỔNG CỘNG	<u>1.283.471.602</u>	<u>7.288.125.594</u>	<u>(6.951.641.615)</u>	<u>1.619.955.581</u>
<i>Trong đó</i>				
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	2.369.563.416	-	-	1.619.955.581
Thuế nộp thừa	1.086.091.814	-	-	-

15. PHẢI TRẢ NGƯỜI LAO ĐỘNG

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả công nhân viên	<u>6.037.004.220</u>	<u>7.690.757.768</u>

16. PHẢI TRẢ KHÁC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn		
Phải trả cho Ngân sách Nhà nước ("NSNN") do thu hộ (*)	9.009.200.411	12.889.700.378
Phải trả cho các đội thi công	10.016.053.024	14.574.910.772
Các khoản phải trả, phải nộp khác	<u>894.154.900</u>	<u>5.841.508.018</u>
CỘNG (**)	<u>19.919.408.335</u>	<u>33.306.119.168</u>
Dài hạn		
Phải trả cho NSNN do thu hộ (khu 30ha Vĩnh Lộc B)	-	62.137.704.889
Các khoản phải trả, phải nộp khác	-	<u>220.416.900</u>
CỘNG	-	<u>62.358.121.789</u>
TỔNG CỘNG	<u>19.919.408.335</u>	<u>95.664.240.957</u>

Phải trả khác (tiếp theo)

- (*) Khoản thu chi hộ của hoạt động bán căn hộ chung cư, nền nhà tái định cư cho Ủy Ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Cụ thể:

	VND	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Nền tái định cư	1.327.814.687	6.642.400.032
Khu 30ha Vĩnh Lộc B	<u>7.681.385.724</u>	<u>6.247.300.346</u>
TỔNG CỘNG	<u>9.009.200.411</u>	<u>12.889.700.378</u>

- (**) Trong đó, một số khoản phải trả, phải nộp khác chưa đối chiếu xác nhận cuối năm là 9.644.346.311 Đồng (khoản phải trả ngân sách do thu hộ chưa được xác nhận là 9.009.200.411 Đồng).

17. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	VND	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Dự phòng tiền lương phải trả	<u>1.697.523.305</u>	<u>-</u>

18. QUỸ KHEN THƯỞNG VÀ PHÚC LỢI

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo sự phê duyệt của Chủ sở hữu. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty. Biến động của Quỹ khen thưởng và phúc lợi trong năm như sau:

	VND	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Số đầu năm	3.195.576.626	5.380.295.616
Trích lập trong năm	4.651.127.269	4.550.704.118
Sử dụng trong năm	(6.143.105.300)	(7.152.776.108)
Tặng khác	<u>805.398.500</u>	<u>417.353.000</u>
Số cuối năm	<u>2.508.997.095</u>	<u>3.195.576.626</u>

19. QUỸ PHÁT TRIỂN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

	VND	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Số đầu năm	280.539.430	106.571.726
Trích quỹ trong năm	177.317.721	196.308.431
Chi trong năm	<u>(133.478.000)</u>	<u>(22.340.727)</u>
Số cuối năm	<u>324.379.151</u>	<u>280.539.430</u>

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU

	VND			
	<i>Vốn góp của chủ sở hữu</i>	<i>Quỹ đầu tư phát triển</i>	<i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</i>	<i>Tổng cộng</i>
Năm trước				
Số đầu năm	6.820.972.808	1.725.484.427	5.539.154.618	14.085.611.853
Tăng (giảm) trong năm	2.135.215.986	(1.725.484.427)	(409.731.559)	-
Lợi nhuận trong năm	-	-	4.376.643.242	4.376.643.242
Trích quỹ	-	-	(4.550.704.118)	(4.550.704.118)
Tăng (giảm) khác	(163.451.008)	-	37.089.751	(126.361.257)
Số cuối năm	<u>8.792.737.786</u>	<u>-</u>	<u>4.992.451.934</u>	<u>13.785.189.720</u>
Năm nay				
Số đầu năm	8.792.737.786	-	4.992.451.934	13.785.189.720
Lợi nhuận trong năm	-	-	4.376.442.092	4.376.442.092
Trích quỹ	-	336.807.619	(4.987.934.888)	(4.651.127.269)
(Giảm) khác	-	-	(4.517.046)	(4.517.046)
Số cuối năm	<u>8.792.737.786</u>	<u>336.807.619</u>	<u>4.376.442.092</u>	<u>13.505.987.497</u>

21. NGUỒN KINH PHÍ

Thay đổi nguồn kinh phí được trình bày như sau:

	VND	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Số đầu năm	(6.993.611.566)	(15.166.960.442)
Nguồn kinh phí được cấp trong năm	87.385.673.216	133.229.916.898
Chi sự nghiệp	(88.683.184.076)	(125.056.568.022)
Số cuối năm	<u>(8.291.122.426)</u>	<u>(6.993.611.566)</u>

22. NGUỒN KINH PHÍ ĐÃ HÌNH THÀNH TSCĐ

	VND	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Số đầu năm	163.451.008	-
Tăng khác	-	163.451.008
Số cuối năm	<u>163.451.008</u>	<u>163.451.008</u>

23. DOANH THU

23.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	88.372.925.231	103.522.507.366
Trong đó		
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ công ích</i>	62.601.878.199	56.113.901.221
<i>Doanh thu xây dựng công trình công ích</i>	25.771.047.032	47.408.606.145
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần	88.372.925.231	103.522.507.366

23.2. Doanh thu hoạt động tài chính

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	37.689.600	37.778.900

24. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn cung cấp dịch vụ công ích	52.333.206.267	46.009.139.456
Giá vốn xây dựng công trình công ích	24.498.944.317	45.400.994.365
TỔNG CỘNG	76.832.150.584	91.410.133.821

25. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	3.278.585.485	3.755.733.697
Chi phí dự phòng	1.697.523.305	2.407.915.343
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	1.470.733.666	1.045.946.203
TỔNG CỘNG	6.446.842.456	7.209.595.243

26. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Thu nhập khác		
Thu hồi khoản chi tiền lương của quản lý	-	528.267.224
Thu khác	8.376.952	-
	<u>8.376.952</u>	<u>528.267.224</u>
Chi phí khác		
Chi phí khác	7.625.726	-
LỢI NHUẬN KHÁC THUẦN	<u>751.226</u>	<u>528.267.224</u>

27. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	26.723.999.168	42.416.768.253
Chi phí nhân công	49.826.553.749	48.796.490.064
Chi phí khấu hao tài sản cố định (Thuyết minh số 10)	119.236.262	252.825.758
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.282.913.619	4.066.059.456
Các chi phí khác bằng tiền	4.333.915.968	3.087.585.533
TỔNG CỘNG	<u>83.286.618.766</u>	<u>98.619.729.064</u>

28. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Công ty có nghĩa vụ nộp Thuế Thu nhập Doanh nghiệp (thuế "TNDN") với mức thuế suất bằng 20% lợi nhuận chịu thuế (năm 2015: 22%).

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên lợi nhuận chịu thuế của năm hiện tại. Lợi nhuận chịu thuế của Công ty khác với lợi nhuận được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì lợi nhuận chịu thuế không bao gồm các khoản mục lợi nhuận chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế TNDN hiện hành (tiếp theo)

Dưới đây là đối chiếu lợi nhuận thuần trước thuế và lợi nhuận chịu thuế ước tính:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	5.132.373.017	5.468.824.426
Các điều chỉnh tăng/(giảm) lợi nhuận theo kế toán		
<i>Các khoản chi phí không được trừ</i>	22.074.050	16.290.500
<i>Chi phí có tính phúc lợi trong năm</i>	<u>(1.374.792.435)</u>	<u>(972.730.411)</u>
Lợi nhuận chịu thuế ước tính trong năm	3.779.654.632	4.512.384.515
Thuế TNDN phải trả ước tính trong năm hiện hành	755.930.925	992.724.593
Điều chỉnh Thuế TNDN kỳ trước do điều chỉnh doanh thu	<u>-</u>	<u>99.456.591</u>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	755.930.925	1.092.181.184
Thuế TNDN phải trả đầu năm	526.030.557	401.129.990
Thuế TNDN đã trả trong năm	<u>(1.059.581.164)</u>	<u>(967.280.617)</u>
Thuế TNDN phải trả cuối năm <i>(Thuyết minh số 14)</i>	<u>222.380.318</u>	<u>526.030.557</u>

29. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN

Thu nhập của các thành viên của Chủ tịch Hội đồng Thành viên, Ban Giám đốc, Kiểm soát viên và Kế toán trưởng như sau:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lương và thưởng	2.613.596.803	1.886.400.000

30. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Ban Giám đốc Công ty khẳng định không có các sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong Báo cáo tài chính của Công ty.

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

31. CÁC SỰ KIỆN QUAN TRỌNG

Theo Quyết định số 6144/QĐ-UBND của Ủy ban Nhân dân thành phố Hồ Chí Minh ban hành ngày 23 tháng 11 năm 2016, Công ty sẽ thực hiện cổ phần hóa, thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp là ngày 31 tháng 12 năm 2016.



Huỳnh Thị Ngọc Bích
Người lập biểu



Kiên Liên Nhanh
Kế toán trưởng



Lý Minh Sơn
Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 01 năm 2017